

KẾ HOẠCH PHÂN BỐ CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHO TỪNG HỌC KỲ

Trình độ đào tạo: Cao đẳng liên thông

Tên ngành: Chăm sóc sắc đẹp Mã ngành: 6810404

HỌC KỲ 1 (15 tín chỉ)

Giáo dục Chính trị MH3208021-3(3,0)
Pháp luật MH3208104-1(1,0)
Tin học MH3201260-1(0,1)
Dinh dưỡng và sức khỏe MH3262613-2(2,0)
Kỹ thuật nối mi MĐ3062660-3(1,2)
Tiếng Anh MH3207260-2(1,1)
Giáo dục thể chất MH3209106-1(0,1)
Thực tập chăm sóc da công nghệ cao MĐ3262617-2(0,2)

HỌC KỲ 2 (17 tín chỉ)

Chiến lược quản lý spa MH3062648-2(2,0)
Marketing mạng xã hội MĐ3062651-3(1,2)
Kỹ thuật búi tóc MĐ3262614-4(2,2)
Thực tập trang điểm có dầu nâng cao MĐ3262616-2(0,2)
Thực tập cắt tóc nam, nữ nâng cao MĐ3262615-3(0,3)
Giáo dục quốc phòng và an ninh MH3209022-1(0,1)
Khởi tạo doanh nghiệp MH3062662-2(2,0)

HỌC KỲ 3 (15 tín chỉ)

Thực tập tốt nghiệp MĐ3262618-4(0,4)
Anh văn chuyên ngành MH3262621-2(2,0)
Kỹ thuật phun thêu trên da giả MĐ3062661-4(2,2)
Các mô đun, môn học tự chọn

Khóa luận TN MĐ3262619, 5(0,5)
Kỹ thuật trang điểm hóa trang MĐ3062666-3(1,2)
Thiết kế và tạo hình móng MĐ3062665-2(0,2)

KT-HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO & NCKH

P. TRƯỞNG KHOA



(Signature)
Nguyễn Thị Lệ Thanh

(Signature)

Lê Thị Hiền

Phạm Văn Thanh Cần